

Bản án số: **49/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 29 - 6 - 2022

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Ngọc Điệp

2. Ông Huỳnh Tiên Quang

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 101/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Thúy L, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 970/33/12/2 đường 8, Tổ 36, Khu 5, phường N, thành phố M, tỉnh Bình Dương, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đoàn Minh T, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 970/33/12/2 đường 8, Tổ 36, Khu 5, phường N, thành phố M, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 20/01/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị Thúy L trình bày:

Bà L và ông Nguyễn Đoàn Minh T là vợ chồng, chung sống với nhau năm 2010, đến ngày 04/02/2013 đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố M, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 19, quyển số 01/2013.

Thời gian đầu chung sống, vợ chồng hạnh phúc, yêu thương, quan tâm lo lắng cho nhau, cuộc sống gia đình vui vẻ, đầm ấm. Tuy nhiên, sau đó, ông T thường hay uống bia, rượu về nhà quậy phá, ghen tuông vô cớ, đánh đập vợ con.

Việc vợ chồng bà L mâu thuẫn, bà con sinh sống ở gần nhà bà L, ông T ai cũng biết, nhiều lần ông T quậy phá bà L phải trình báo công an phường N xuống giải quyết. Cuối năm 2020, bà L nộp đơn ly hôn với ông T nhưng vì muốn vợ chồng đoàn tụ, lo lắng cho con cái nên bà L đã rút lại đơn khởi kiện. Hiện nay, bà L nhận thấy không còn tình cảm với ông T, vợ chồng không hàn gắn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống, bà L, ông T có 01 con chung là Nguyễn Đoàn Trung H, sinh ngày 04/12/2012. Sau khi ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đoàn Trung H, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn bà Bùi Thị Thúy L đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: *CCCD, sổ hộ khẩu của bà L (bản photo chứng thực); Giấy chứng nhận kết hôn của bà L, ông T (bản photo chứng thực); Giấy khai sinh của Nguyễn Đoàn Trung H (bản photo chứng thực); Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân gia đình số 111/2020/QĐST - HNGĐ ngày 22/12/2020 và Trích lục Quyết định đình chỉ số 131/TLQĐ-HNGĐ ngày 05/01/2021 của TAND TP. Thủ Dầu Một (bản chính).*

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Đoàn Minh T không đến Tòa án trình bày sự việc, giao nộp chứng cứ, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Bùi Thị Thúy L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không giao nộp thêm chứng cứ cho Tòa án; bị đơn ông Nguyễn Đoàn Minh T đã được triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng không đến tham gia phiên tòa. Do đó, căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt ông T.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Bà L và ông T là vợ chồng hợp pháp, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên được pháp luật bảo vệ. Vợ chồng bà L, ông T xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do ông T thường xuyên ăn nhậu, say xỉn về nhà quậy phá, đánh bà L; ông T ghen tuông vô cớ; đuổi bà L và con ra khỏi nhà lúc 2, 3 giờ sáng. Tòa án xác minh được biết, bà L và ông T có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã dẫn đến ông T đánh bà L, bà L có trình báo với công an khu phố xuống can thiệp và hòa giải mâu thuẫn cho vợ chồng bà L, ông T; bên cạnh đó ông T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không đến Tòa trình bày mong muốn hàn gắn tình cảm. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông T đã

trầm trọng, địa phương đã có can thiệp hòa giải nhưng không có kết quả, hôn nhân không hạnh phúc, không có khả năng hàn gắn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Bà L, ông T có 01 con chung là cháu Nguyễn Đoàn Trung H, sinh ngày 04/12/2012. Hiện tại cháu Hiếu đang sống cùng bà L, cháu có nguyện vọng được sống cùng bà L nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà L, giao cháu Hiếu cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung, cấp dưỡng: Bà L yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết.

+ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến trình bày của nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Do bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự). Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn liên quan đến quyền nhân thân nên thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện (quy định tại Điều 39, khoản 1 Điều 155 của Bộ luật Dân sự).

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[2.1] Về hôn nhân: Bà L, ông T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà được tôn trọng và pháp luật bảo vệ. Bà L nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông T do tính cách vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông T thường hay uống rượu bia, ghen tuông vô cớ, chửi, đánh bà L. Ông T không đến Tòa án trình bày ý kiến, phản bác lại ý kiến của bà L. Do đó, ý kiến trình bày của bà L thuộc trường hợp tình tiết không cần phải chứng minh quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, qua lời trình bày của bà L và chứng cứ do Tòa án thu thập được, thấy rằng: Mâu thuẫn tình cảm giữa bà L và ông T là có thật; ông T có hành vi uống rượu, bia về nhà chửi, đánh bà L; nhiều lần bà L phải trình báo với cơ quan Công an và Ban điều hành khu phố đến can thiệp, hòa giải mâu thuẫn của hai vợ chồng; hiện tại, cả hai mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, nền tảng một gia đình hạnh phúc không có. Tòa án thông báo cho ông T đến hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng ông T không đến. Chứng tỏ ông T cũng không còn tình cảm với bà L, không mong

muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[2.2] Về con chung, nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống, bà L, ông T có 01 con chung là Nguyễn Đoàn Trung Hiếu, sinh ngày 04/12/2012. Sau khi ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Ông T không có ý kiến tranh chấp nuôi con với bà L, hiện tại con chung Nguyễn Đoàn Trung Hiếu đang sinh sống với bà L và có nguyện vọng được sống cùng bà L. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà L.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy ý kiến phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên có căn cứ nên Tòa chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp trước đây.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, các điều 266, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 39, khoản 1 Điều 155 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị Thúy L đối với bị đơn ông Nguyễn Đoàn Minh T về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

- Về hôn nhân: Bà Bùi Thị Thúy L được ly hôn ông Nguyễn Đoàn Minh T (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 19, quyền số 01/2013 ngày 04/02/2013 của UBND phường N, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương cấp cho bà L, ông T)

- Về con chung và nuôi con: Bà Bùi Thị Thúy L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Đoàn Trung H, sinh ngày 04/12/2012.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà L nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000990, ngày 02/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Dương sự;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình